Chi tiết mã HS 3006.30.30

Mã HS	3006.30.30
Mô tả hàng hóa	Các mặt hàng dược phẩm ghi trong Chú giải 4 của Chương này / - Chế phẩm cản quang dùng trong việc kiểm tra bằng tia X; các chất thử chẩn đoán bệnh được chỉ định dùng cho bệnh nhân: / - - Các chất thử chẩn đoán vi sinh khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 06:15:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30063030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4674
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4674
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4674
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4598
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4559
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4559
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4559
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4559
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4559
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4559
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4597
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4597

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4597
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4597
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4597
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4597
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4601
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4601
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4601
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4601
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4601
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4601
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4601
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4565
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4561
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4561
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4561
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4561
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4561
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4561
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4561
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4561
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4561
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4561
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4561
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4561
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4608
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4608

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4608
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4608
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4608
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4608
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4605
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4605
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4605
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4605
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4605
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4605
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4613
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4613
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4613
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4613
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4613
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4613
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4584
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4584
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4584
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4584
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4584
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4584
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4586
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4586
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4586
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4586

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4586
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4586
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4584
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4584
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4584
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4584
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4584
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4584
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4584
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4605
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4605
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4605
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4605
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4605
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4605
RCEP B	2022	2022	0	B!D4605
RCEP B	2023	2023	0	B!E4605
RCEP B	2024	2024	0	B!F4605
RCEP B	2025	2025	0	B!G4605
RCEP B	2026	2026	0	B!H4605
RCEP B	2027	2027	0	B!I4605
RCEP C	2022	2022	0	C!D4605
RCEP C	2023	2023	0	C!E4605
RCEP C	2024	2024	0	C!F4605
RCEP C	2025	2025	0	C!G4605
RCEP C	2026	2026	0	C!H4605

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4605
RCEP D	2022	2022	0	D!D4605
RCEP D	2023	2023	0	D!E4605
RCEP D	2024	2024	0	D!F4605
RCEP D	2025	2025	0	D!G4605
RCEP D	2026	2026	0	D!H4605
RCEP D	2027	2027	0	D!I4605
RCEP E	2022	2022	0	E!D4608
RCEP E	2023	2023	0	E!E4608
RCEP E	2024	2024	0	E!F4608
RCEP E	2025	2025	0	E!G4608
RCEP E	2026	2026	0	E!H4608
RCEP E	2027	2027	0	E!I4608
RCEP F	2022	2022	0	F!D4605
RCEP F	2023	2023	0	F!E4605
RCEP F	2024	2024	0	F!F4605
RCEP F	2025	2025	0	F!G4605
RCEP F	2026	2026	0	F!H4605
RCEP F	2027	2027	0	F!I4605
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4245
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4245
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4245
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4245

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3006.30 có 4 dòng thuế; dòng 3006.30.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Các chất thử chẩn đoán vi sinh khác.	3006.30.10 Bari sulphat, dạng uống (*); 3006.30.20 Các chất thử nguồn gốc vi sinh, loại phù hợp để chẩn đoán sinh học trong thú y; 3006.30.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3006.30.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3006.30.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4674), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.